

Số: 1137/VKNT-TTĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2026
V/v: Yêu cầu báo giá hóa chất,
dung môi, dụng cụ/ dịch vụ liên quan
đến xây dựng tiêu chuẩn

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa tại Việt Nam

Viện Kiểm nghiệm thuốc thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để có cơ sở tham khảo phục vụ cho mục đích triển khai dự toán Đề tài Nghiên cứu tiêu chuẩn hóa, đánh giá độc tính và tác dụng dược lý của một số loài nấm trùng thảo trên mô hình bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, thuộc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Kiểm nghiệm thuốc thành phố Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên: Vũ Như Trang
- Chức vụ: Nhân viên
- Số điện thoại: 0984 681 968
- Địa chỉ email: vunhutrang2211@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Việc tiếp nhận báo giá qua 1 trong 2 cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại Trung tâm Đào tạo và Dịch vụ Kiểm nghiệm, Viện Kiểm nghiệm thuốc thành phố Hồ Chí Minh tại số 200 Cô Bắc, Phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Nhận qua email: vunhutrang2211@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16 giờ 00 ngày 14 tháng 10 năm 2026 đến trước 8 giờ 00 ngày 16 tháng 10 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Kể từ ngày báo giá đến hết ngày 30/06/2027.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

Các hãng sản xuất/ Nhà cung cấp có thể cung cấp một hoặc toàn bộ danh mục hàng hóa/ dịch vụ theo mô tả như sau:

1. Danh mục hóa chất, dung môi, dụng cụ như sau:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
I. NHÓM DƯỢC LIỆU					
1	Ophiocordyceps Sinensis	Mẫu/nguồn Ophiocordyceps sinensis dùng cho nghiên cứu; định danh rõ loài, nguồn gốc/xuất xứ, lô thu hái hoặc nuôi trồng; nguyên liệu khô, sạch, không mốc, không lẫn tạp rõ rệt; có hồ sơ truy xuất nguồn gốc và/hoặc COA nếu có. Quy cách đóng gói theo nhà sản xuất.	100	g	Yêu cầu nhà cung cấp nêu rõ dạng nguyên liệu (quả thể/sinh khối/bột) và nguồn gốc. Mẫu nghiên cứu yêu cầu tối thiểu mỗi gói là 1 loại có xuất xứ khác nhau và đạt TCCL Dược điển TQ. Tối thiểu 6 mẫu.
2	Cordyceps Gun nii/ Metacordyceps Neogunnii	Cordyceps gunnii/Metacordyceps neogunnii dùng cho nghiên cứu; định danh loài, nguồn gốc rõ ràng; nguyên liệu khô, sạch, không mốc, không lẫn tạp; có hồ sơ truy xuất/COA nếu có. Quy cách đóng gói theo nhà sản xuất.	1,2	kg	Cần xác nhận tên khoa học chính xác. Nguồn gốc: Việt Nam.
3	Cordyceps Militaris	Cordyceps militaris dùng cho nghiên cứu; định danh loài, nguồn gốc rõ ràng; nguyên liệu khô, sạch, không mốc; có hồ sơ truy xuất/COA nếu có. Quy cách đóng gói theo nhà sản xuất.	1	kg	Nguồn gốc: Việt Nam. Tối thiểu 36 mẫu có nguồn gốc từ 6 vùng nguyên liệu.
II. HÓA CHẤT					
1	Chuẩn Marker Các Loại (cordycepin, adenosin, pentostatin, N6 -(2-hydroxyethyl)-adenosine], uridine, guanosine, ergothioneine, Tryprostatin B, Wortmannilactone, Cordycepamide A, Beauveriolide I, Beauvericin, Cordycerebroside B, Cordylactam, Cordycepamide A...có thể thay đổi theo thực tế nghiên cứu).	"Là chất chuẩn hoặc hóa chất phục vụ định tính/định lượng theo danh mục nghiên cứu; có COA, số lô, độ tinh khiết/hàm lượng, điều kiện bảo quản và hạn dùng. - Quy cách đóng gói đề xuất: Lọ/ống theo quy cách NSX."	30	chai hoặc ống	Báo giá theo hàm lượng đóng gói tối thiểu.
2	Methanol LCMS	Methanol LC-MS grade; độ tinh khiết cao, phù hợp LC-MS; hàm lượng nước và tạp UV thấp; có COA. Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của nhà sản xuất	4	lít	
3	Acetonitril LCMS	Acetonitrile LC-MS grade; độ tinh khiết cao, phù hợp LC-MS; tạp UV và cặn bay hơi thấp; có COA. Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của nhà sản xuất	4	lít	
4	DMSO	Dimethyl sulfoxide (DMSO), cell culture/molecular biology grade, độ tinh khiết $\geq 99,5\%$; vô trùng hoặc phù hợp nuôi cấy tế bào. Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của nhà sản xuất	100	mL	
5	Dung Dịch Pha Loãng/Swelab Alpha Diluent	Swelab Alpha Diluent hoặc dung dịch pha loãng tương thích hệ Swelab Alpha; chính hãng hoặc tương thích được NSX xác nhận; dùng cho máy huyết học tương ứng.	20	Lít	Yêu cầu NCC ghi rõ dung tích can và model máy tương thích. Địa điểm giao hàng: Trung tâm dược lý lâm sàng - Đại

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
		Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của nhà sản xuất			<i>học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội)</i>
6	Dung Dịch Ly Giải Phá Vỡ Hồng Cầu/Swelab Alpha Lyse	Swelab Alpha Lyse hoặc dung dịch ly giải hồng cầu tương thích hệ Swelab Alpha; chính hãng hoặc tương thích được xác nhận. Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của nhà sản xuất	5	lít	<i>Yêu cầu nhà cung cấp ghi rõ dung tích can và model máy tương thích. Địa điểm giao hàng: Trung tâm được lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội)</i>
7	Dung Dịch Rửa/Làm Sạch Dùng Cho Máy Xét Nghiệm Huyết Học Horiba Abx Micros Es 60	Dung dịch rửa/làm sạch dùng cho máy huyết học Horiba ABX Micros ES 60; tương thích thiết bị, không gây kết tủa/hư hệ thống; chính hãng hoặc tương thích được hãng xác nhận. Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của nhà sản xuất	20	lít	<i>Yêu cầu nhà cung cấp nêu tên thương mại, mã catalog và dung tích. Địa điểm giao hàng: Trung tâm được lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội)</i>
8	Ethanol Pa	Ethanol PA/AR grade, độ tinh khiết phù hợp phân tích; có COA. - Quy cách đóng gói đề xuất: Chai 1 L; tối thiểu 8 chai hoặc quy cách thương mại tương đương đủ ≥8 L	8	lít	

III. NHÓM SINH HỌC PHÂN TỬ

1	Bộ Kit Tách Chiết DNA	Kit tách chiết DNA tổng số, dùng được cho mẫu nấm/độc liệu; quy trình spin-column hoặc magnetic bead; DNA thu được phù hợp PCR/qPCR và giải trình tự; có đủ buffer/cột/ống theo bộ. Bộ ≥50 lần tách chiết Quy cách đóng gói theo nhà sản xuất.	1	bộ	<i>Ưu tiên kit có protocol cho mẫu thực vật/nấm giàu polysaccharide/polyphenol.</i>
2	Primer Các Loại	Primer oligonucleotide tổng hợp theo trình tự đặt hàng; độ tinh sạch desalting hoặc HPLC tùy mục đích; cung cấp thông tin nồng độ/số mol và COA; dạng đông khô. Quy cách đóng gói đề xuất: 01 ống/primer, khoảng 100 mmol/ống; tổng 25 ống	25	ống	<i>Trình tự primer sẽ cung cấp khi đặt hàng.</i>
3	Master Mix	PCR Master Mix 2X (có thể thay đổi), chứa DNA polymerase, dNTP, MgCl ₂ và buffer; tương thích PCR thường; có loading dye nếu lựa chọn loại premix; bảo quản theo NSX. Bộ 1–5 mL hoặc ≥200 phản ứng/bộ Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách nhà sản xuất	3	bộ	
4	Agarose	Agarose dùng điện di DNA/RNA, molecular biology grade; độ EEO thấp; tạo gel trong suốt; phù hợp phân tách DNA. Quy cách đóng gói theo nhà sản xuất.	100	g	
5	Đệm Điện Di 10X	Đệm điện di 10X (TAE), molecular biology grade; dùng pha loãng 1X cho điện di acid nucleic.	1	lít	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
		Quy cách đóng gói theo nhà sản xuất, nồng độ 10X			
6	Loading Dye 6X	Loading Dye 6X cho DNA, tương thích gel agarose; chứa thuốc nhuộm theo dõi, không ảnh hưởng PCR product. Quy cách đóng gói đề xuất: theo nhà sản xuất.	2	ml	
7	Thang DNA 100bp	DNA ladder/marker có dải kích thước phù hợp 100 bp, dùng cho gel agarose. Quy cách đóng gói đề xuất: Tổng 1 mL; có thể 5 × 200 µL hoặc quy cách tương đương	1	ml	
8	Thang DNA 1kbp	DNA ladder/marker có dải kích thước phù hợp 1 kb; dùng cho gel agarose. Quy cách đóng gói đề xuất: Tổng 1 mL; có thể 5 × 200 µL hoặc quy cách tương đương	1	ml	
9	Bộ Kit Chiết RNA	Kit tách RNA tổng số, phù hợp mẫu tế bào/mô; spin-column hoặc magnetic bead; có bước loại DNA hoặc tương thích DNase; RNA dùng được cho RT-qPCR. Bộ ≥50 lần tách chiết Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách nhà sản xuất	1	bộ	
10	Bộ Kit Phiên Mã Ngược	Kit phiên mã ngược cDNA từ RNA; gồm reverse transcriptase, buffer, dNTP, primer ngẫu nhiên/oligo(dT) hoặc master mix; phù hợp qPCR. Bộ ≥100 phản ứng Quy cách đóng gói đề xuất: theo nhà sản xuất	1	bộ	
11	Plasmid (20 – 20kb)	Quy cách đóng gói đề xuất: ống	4	ống	
12	Bộ Kit Qpcr Và Thuốc Thử (SYBR Green và probe/TaqMan)	Bộ qPCR và thuốc thử: qPCR Master Mix 2X có chất phát quang SYBR Green hoặc probe chemistry; hot-start polymerase; tương thích máy qPCR hiện có; đủ cho phản ứng theo nghiên cứu. Bộ ≥200 phản ứng; 2 bộ Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách nhà sản xuất.	2	bộ	
13	E coli DHC 5 alpha	Quy cách đóng gói đề xuất: lọ đông khô (>1 x 10 ⁸ cfu/µg)	1	lọ	
IV. NHÓM NUÔI CÂY TẾ BÀO VÀ THỬ NGHIỆM LIÊN QUAN					
1	Đệm Hepes 1M	HEPES buffer 1 M, vô trùng, cell culture grade; pH khoảng 7,0–7,5. Quy cách đóng gói đề xuất: Chai 100 ml hoặc theo quy cách của nhà sản xuất	300	ml	
2	Dòng Tế BàoLiên Lạc Để Trao Đổi thêm thông tin)	Dòng tế bào chuẩn, xác thực danh tính; không nhiễm Mycoplasma; có COA và thông tin passage; ví dụ Raw 264.7, A 540, Jurat, BEAS-2B, - Quy cách đóng gói đề xuất: 01	12	ống	Ghi chú: ví dụ Raw 264.7, A 540, Jurat, BEAS-2B, HBEC3-KT, A549, NCI-H292, THP-1, HL-60, HEK-293, ATCC® PCS-301-013,

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
		cryovial/dòng, thường $\geq 1 \times 10^6$ viable cells/vial; tổng 12 ống			HUVEC... hoặc dòng theo nghiên cứu; đông lạnh trong cryovial.
3	Môi Trường Dmem Có Phenol Red (Lấy báo giá cả 2 loại glucose và glutamin).	DMEM có Phenol Red, vô trùng, dùng nuôi cấy tế bào; có glucose, L-glutamine/GlutaMAX hoặc ghi rõ cấu hình; pH/osmolality theo tiêu chuẩn nhà sản xuất Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất	8000	ml	
4	Môi Trường Dmem Không Có Phenol Red	DMEM không Phenol Red, vô trùng, dùng nuôi cấy tế bào; cấu hình glucose/L-glutamine ghi rõ. Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của nhà sản xuất	2000	ml	
5	Môi Trường Rpmi-1640	RPMI-1640, vô trùng, dùng nuôi cấy tế bào; có/không L-glutamine ghi rõ; pH/osmolality phù hợp. Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của nhà sản xuất	4000	ml	Đề xuất báo giá cả 2 loại: có glutamin và không có glutamin
6	Môi trường BEGM	Serum Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của nhà sản xuất	2000	ml	
7	Dung Dịch Kháng Khuẩn – Kháng Nấm Dùng Để Nuôi Tế Bào	Dung dịch Antibiotic-Antimycotic dùng nuôi cấy tế bào, vô trùng; dạng 100X; thường chứa penicillin, streptomycin và amphotericin B hoặc tương đương. Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của nhà sản xuất	300	ml	
8	Fetal Bovine Serum (Fbs)	Fetal Bovine Serum (FBS), cell culture grade; vô trùng, lọc 0,1/0,2 μm ; đã kiểm Mycoplasma/endotoxin; nguồn gốc và COA rõ ràng. Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của nhà sản xuất	1500	ml	
9	% bovine serum albumin (BSA) trong TBS	Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của nhà sản xuất	1000	ml	
10	Gel điện di western blot (SDS-PAGE gel hoặc có thể thay đổi)	Gel điện di protein SDS-PAGE dùng cho Western blot, gel polyacrylamide nồng độ 10% hoặc gel gradient 4–12%, hệ đệm Tris-Glycine-SDS, độ dày 1,0 mm, 10 giếng. Quy cách đóng gói đề xuất: theo đóng gói của NSX	10	miếng	
11	Màng PVDF	Màng PVDF dùng cho Western blot, kích thước lỗ 0,45 và 0,2 μm trong thích chuyển protein từ gel SDS-PAGE, kích thước tấm phù hợp với hệ thống điện di và chuyển màng hiện có; loại màng và quy cách đóng gói theo nhà sản xuất.	10	miếng	
12	Dung Dịch Hbss	HBSS (Hank's Balanced Salt Solution), vô trùng; có/không $\text{Ca}^{2+}/\text{Mg}^{2+}$ ghi rõ; phù hợp rửa và thao tác tế bào. Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách nhà sản xuất	1500	ml	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
13	Chất Bảo Quản Tế Bào Freezing Medium	Cell freezing medium dùng bảo quản đông tế bào; vô trùng; chứa DMSO và thành phần bảo vệ tế bào; ready-to-use. Quy cách đóng gói đề xuất: Tổng 20 mL; đề xuất 2 × 10 mL hoặc quy cách của nhà sản xuất	20	ml	
14	Paraformaldehyd	Paraformaldehyde dùng cố định mẫu; đề xuất dung dịch 4% trong PBS, grade phù hợp cell/histology, không methanol nếu cần IF. Quy cách đóng gói đề xuất: Bột hoặc dung dịch	100	g/ml	
15	Xylene	Xylene/Xylol, histology grade hoặc analytical grade, phù hợp khử paraffin/làm trong mẫu. Quy cách đóng gói đề xuất: theo nhà sản xuất	200	ml	
16	Kháng Thể Các Loại	Kháng thể dùng Western blot/IF/IHC theo đích nghiên cứu: Anti-NF-κB p65, Anti-Cleaved Caspase-3 và kháng thể thứ cấp huỳnh quang; Kháng thể anti-mouse CD45 từ thỏ, anti-rabbit IgG gắn peroxidase, anti-rabbit IgG gắn với alexafluor 594, hoặc alexafluor 488, Quy cách đóng gói đề xuất: 100–1000 µL/ống	12	ống	
17	Entellan	Entellan hoặc mounting medium tương đương dùng gắn lam mô học; trong suốt, dùng với dung môi hữu cơ, phù hợp kính hiển vi. Quy cách đóng gói đề xuất: Lọ 100 ml hoặc quy cách nhà sản xuất	100	ml	
18	Dako Pen	Bút khoanh mô kỵ nước (Dako Pen/PAP pen hoặc tương đương), dùng IHC/IF, tạo hàng rào chống thấm quanh mô trên lam. Quy cách đóng gói đề xuất: 01 cây	1	Cây	
19	Bộ Kit Nhuộm Miễn Dịch Peroxidase/DAB HRP kit, anti-rabbit)	Bộ kit nhuộm miễn dịch/IHC detection kit; tương thích kháng thể sơ cấp và loài mẫu; có chromogen hoặc hệ phát hiện theo protocol; đủ buffer/reagent theo kit. Bộ 50–100 tests Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách nhà sản xuất.	2	Bộ	
20	Bình nuôi cấy tế bào	Cell culture flask T25 (25cm ²) Quy cách đóng gói đề xuất: bình	20	bình	
21	Đĩa 6 giếng (Vô trùng)	Quy cách đóng gói đề xuất: 6 đĩa/lốc, 10 đĩa/lốc hoặc theo quy cách nhà sản xuất	50	đĩa	
22	Đĩa 96 giếng (Vô trùng)	Quy cách đóng gói đề xuất: 6 đĩa/lốc, 10 đĩa/lốc hoặc theo quy cách nhà sản xuất	50	đĩa	
23	Pipet Tip 1, 5, 10 ml	Đầu tip cho pipet 1–10 mL, tương thích pipetman; polypropylene, low-retention nếu có; có/không vô trùng theo nhu cầu. Tổng 300 cái (mỗi thể tích 100 ống)	300	cái	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
		Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách nhà sản xuất			
24	Ros Assay	ROS assay kit dùng định lượng ROS nội bào, nguyên lý huỳnh quang DCFH-DA hoặc tương đương; phù hợp tế bào nuôi cấy; kèm thuốc thử và hướng dẫn. Bộ $\geq 100-500$ tests; 1 bộ Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách nhà sản xuất	1	bộ	
25	No Và Cytokine	Bộ thuốc thử định lượng NO và cytokine; NO assay theo Griess hoặc tương đương và cytokine assay/ELISA theo chỉ tiêu nghiên cứu. Quy cách đóng gói đề xuất: 2 bộ; mỗi bộ ≥ 96 tests hoặc quy cách tương đương	2	bộ	
26	Lipopolysaccharides	Lipopolysaccharide (LPS) dùng kích thích đáp ứng viêm tế bào; nguồn E. coli, cell culture grade; độ tinh khiết/hoạt tính và số lô rõ ràng. Quy cách đóng gói đề xuất: Lọ 1-5 mg	5	lọ	
27	Kit Thử Độc Tính Tế Bào (CCK-8/MTT)	Kit thử độc tính tế bào, phương pháp CCK-8/MTT hoặc tương đương; tương thích microplate 96 giếng; định lượng colorimetric. Quy cách đóng gói đề xuất: Bộ ≥ 500 tests hoặc đủ ≥ 5 đĩa 96 giếng; 1 bộ	1	bộ	
28	Lipopolysaccharides From Escherichia Coli O55:B5 L2880-25Mg Của Sigma-Aldrich	Lipopolysaccharides from Escherichia coli O55:B5, Sigma L2880; dạng bột đông khô, tinh sạch bằng phenol extraction; protein tạp $<3\%$ (Lowry); tan trong nước; phù hợp cell-based assay; bảo quản $2-8^{\circ}\text{C}$. Quy cách đóng gói đề xuất: Lọ 25 mg (L2880-25MG); 2 lọ	2	lọ	Địa điểm giao hàng: Trung tâm dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội)
29	Elastase From Porcine Pancreas E0127 100 Mg (Sigma Aldrich, Đức)	Elastase from porcine pancreas, Sigma E0127, Type III; dạng bột đông khô; protein 55-85%; hoạt tính $\geq 4,0$ units/mg protein. Quy cách đóng gói đề xuất: Lọ 100 mg (E0127-100MG); 1 lọ	1	lọ	Hãng Sigma; bảo quản theo hướng dẫn NSX. Địa điểm giao hàng: Trung tâm dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội)
30	Trypsine/Edta	Trypsin-EDTA vô trùng dùng tách tế bào bám dính; nồng độ điển hình 0,25% trypsin với EDTA hoặc tương đương. Quy cách đóng gói đề xuất: Chai 100 ml hoặc theo quy cách nhà sản xuất	300	ml	
V. NHÓM ELISA					
1	Enzyme-Linked Immunosorbent Assay (Elisa) Kit For Tumor Necrosis Factor Alpha	ELISA kit định lượng mouse TNF- α , mã SEA133Mu; sandwich ELISA; dải đo 15,6-1.000 pg/mL; độ nhạy điển hình $<5,7$ pg/mL; dùng	2	hộp	Địa điểm giao hàng: Trung tâm dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
	(Tnf-A) Mã Sea133Mu Sản Xuất Bởi Cloud-Clone Corp	serum/plasma/tissue homogenate/cell lysate/culture supernatant. Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách nhà sản xuất			Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội
2	Enzyme-Linked Immunosorbent Assay (Elisa) Kit For Interleukin 6 (IL-6) Mã Sea079Mu Sản Xuất Bởi Cloud-Clone Corp	ELISA kit định lượng mouse IL-6, mã SEA079Mu; sandwich ELISA; dải đo 7,8–500 pg/mL; độ nhạy điển hình <2,7 pg/mL; dùng serum/plasma/tissue homogenate/cell lysate/culture supernatant. Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách nhà sản xuất	2	hộp	Địa điểm giao hàng: Trung tâm dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội)
3	Enzyme-Linked Immunosorbent Assay (Elisa) Kit For Interleukin-1 Beta (IL-1B) Mã Sea563Mu Sản Xuất Bởi Cloud-Clone Corp	ELISA kit định lượng mouse IL-1β, mã SEA563Mu; sandwich ELISA; dải đo 15,6–1.000 pg/mL; độ nhạy điển hình <5,5 pg/mL; dùng các mẫu sinh học theo hướng dẫn kit. Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách nhà sản xuất	2	hộp	Địa điểm giao hàng: Trung tâm dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội)
4	Enzyme-Linked Immunosorbent Assay (Elisa) Kit For Caspase 3 (Casp3) Mã Sea626Mu Sản Xuất Bởi Cloud-Clone Corp	ELISA kit định lượng mouse Caspase-3, mã SEA626Mu; ELISA; dải đo 0,625–40 ng/mL; độ nhạy điển hình <0,229 ng/mL. Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách nhà sản xuất	2	hộp	Cloud-Clone SEA626Mu. Địa điểm giao hàng: Trung tâm dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội)
VI. NHÓM ĐỘNG VẬT THÍ NGHIỆM					
1	Chuột Swiss Albino	Chuột Swiss albino khỏe mạnh, nguồn cơ sở chăn nuôi được kiểm soát; cùng giới/tuổi/khối lượng theo protocol; đề xuất 6–8 tuần tuổi, khoảng 18–25 g; có giấy kiểm dịch/chứng nhận sức khỏe.	200	con	
2	Chuột Nhắt Trắng	Chuột nhắt trắng thí nghiệm khỏe mạnh, nguồn cơ sở được kiểm soát; cùng giới/tuổi/khối lượng theo protocol; đề xuất 6–8 tuần tuổi, khoảng 18–25 g; có chứng nhận sức khỏe/kiểm dịch.	400	con	Đề nghị báo giá theo dòng (Swiss/ICR/BALB/c...) và giới tính. Địa điểm giao hàng: Trung tâm dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội)
3	Thức Ăn Chuột Nhắt	Thức ăn tiêu chuẩn cho chuột nhắt thí nghiệm, dạng viên, thành phần dinh dưỡng ổn định; không mốc, có hạn dùng và thông tin NSX; phù hợp động vật thí nghiệm.	50	kg	Yêu cầu COA/tiêu chuẩn cơ sở nếu có. Địa điểm giao hàng: Trung tâm dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội)
VII. NHÓM VẬT TƯ, DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM					
1	Đệm HEPES 1M	HEPES buffer 1 M, vô trùng, cell culture grade; pH khoảng 7,0–7,5. Quy cách đóng gói đề xuất: Chai 100 ml hoặc theo quy cách của nhà sản xuất	300	ml	
2	Ống Ly Tâm 50 ML	Ống ly tâm 50 mL, polypropylene, đáy côn, nắp vặn kín, chia vạch, vô trùng, DNase/RNase-free.	100	ống	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
		Quy cách đóng gói đề xuất: theo quy cách nhà sản xuất			
3	Ống Ly Tâm 15 ML	Ống ly tâm 15 mL, polypropylene, đáy côn, nắp vặn kín, chia vạch, vô trùng, DNase/RNase-free. Quy cách đóng gói đề xuất: Túi/hộp 25 hoặc 50 ống; tổng 50 ống	50	ống	
4	Đĩa Petri 35 Mm	Đĩa Petri/culture dish 35 mm, vô trùng, polystyrene; loại xử lý bề mặt cho nuôi cấy tế bào nếu dùng cell culture.	100	đĩa	
5	Chai/Lọ Để Đóng Gói Chuẩn Dược Liệu có thể đóng từ 1-5g dược liệu	Chai/lọ thủy tinh hoặc nhựa phù hợp đóng chuẩn dược liệu; nắp kín, hạn chế ẩm/ánh sáng; có thể dùng lọ thủy tinh màu nâu với nắp vặn. Quy cách đóng gói: 1 – 5g/lọ	100	g	
6	Trợ Hút Pipet	Trợ hút pipet điện tử dùng pipet huyết thanh 1–100 mL; điều chỉnh tốc độ hút/xả; dùng pin sạc; có màng lọc bảo vệ.	1	cái	
7	Pipet nhựa tiết trùng 5, 10, 25 mL Các Loại	Pipet huyết thanh 5, 10, 25 mL; vô trùng, chia vạch rõ, dùng một lần, đóng gói riêng; polystyrene. Tổng 600 ống (mỗi thể tích 200 ống)	600	ống	
8	Ống Huyết Học Máu Chống Đông Edta	Ống lấy máu chống đông EDTA, dùng xét nghiệm huyết học; có EDTA K2 hoặc K3; nắp kín, chân không hoặc microtube tùy thể tích; vô trùng.	500	ống	Báo giá theo thể tích và theo động vật và máy 0,5/1/2/3 ml Địa điểm giao hàng: Trung tâm dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội)
9	Ống Eppendorf	Ống microcentrifuge/Eppendorf 1,5 mL hoặc 2,0 mL; polypropylene, nắp liền, chịu ly tâm cao, DNase/RNase-free; có thể vô trùng theo nhu cầu.	1500	ống	Đề nghị báo giá theo dung tích 1,5 hay 2,0 mL. Địa điểm giao hàng: Trung tâm dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội)

2. Danh mục dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ(*)	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Dự kiến ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Xét nghiệm và chuẩn đoán mẫu	Mẫu mô < 5cm	100	Mẫu	Thành phố Hồ Chí Minh	

	mô bệnh học thường quy	Mẫu mô 5 – 10cm				
2	Giải trình tự gene	1 chiều 2 chiều	100	Mẫu	Thành phố Hồ Chí Minh	

3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Hàng hóa được giao, nghiệm thu tại Viện Kiểm nghiệm thuốc thành phố Hồ Chí Minh (số 200 Cô Bắc, Phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh) và Trung tâm dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội (Tầng 5 nhà A1, Trường đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội).

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán.

6. Các thông tin khác: Đề nghị các đơn vị gửi báo giá kèm theo tiêu chuẩn kỹ thuật, thông số kỹ thuật hoặc catalogue sản phẩm để Viện có thêm cơ sở xem xét, đối chiếu và đánh giá mức độ phù hợp với nhu cầu nghiên cứu.

Giá chào là đồng Việt Nam đã bao gồm thuế và tất cả các chi phí (vận chuyển, lưu kho, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, chi phí ủy thác xuất nhập khẩu, chuyển giao công nghệ (nếu có)...).

Công ty vui lòng cung cấp bảng báo giá theo mẫu phụ lục đính kèm.

Trân trọng kính chào. - 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- Website của Viện;
- Lưu: VT, TTĐT&DVKN, tổ CNTT.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG 



Vũ Trần Việt Anh